

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm:

a) Tổ chức thu phí, lệ phí và người nộp phí, lệ phí quy định tại Điều 2 Thông tư này.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kê khai, thu, nộp phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

3. Thông tư này không áp dụng đối với sát hạch lái xe và cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các loại phương tiện cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Tổ chức thu phí, lệ phí và người nộp phí, lệ phí

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp chứng nhận đăng ký, biển xe máy chuyên dùng, cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này phục vụ các công việc quy định thu phí, lệ phí sau đây:

a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển xe máy chuyên dùng.

b) Cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện.

c) Sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 3. Mức thu phí, lệ phí

1. Mức thu phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mức thu lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng bằng 70% mức thu lệ phí quy định tại Mục 1 Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này đối

với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng theo hình thức trực tuyến.

Điều 4. Kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp phí, lệ phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc vào tài khoản phí, lệ phí thu NSNN của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Nộp phí, lệ phí qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí, lệ phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc tính từ thời điểm nhận được tiền phí, lệ phí, cơ quan, tổ chức nhận tiền phải chuyển toàn bộ tiền phí, lệ phí thu được vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc nộp toàn bộ tiền phí, lệ phí thu được vào NSNN.

c) Nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí, lệ phí được NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí kê khai, thu, nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

b) Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH LÁI XE; LỆ PHÍ CẤP BẰNG, CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BTC ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)		
a	Cấp lần đầu, cấp có thời hạn, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số	Lần/phương tiện	200.000
b	Cấp lại hoặc đổi giấy chứng nhận đăng ký không kèm theo biển số	Lần/phương tiện	50.000
c	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời	Lần/phương tiện	70.000
d	Đóng lại số khung, số máy	Lần/phương tiện	50.000
2	Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ điều khiển các loại phương tiện		
	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)	Lần	135.000
3	Phí sát hạch lái xe		
a	Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A, B1:		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông	Lần	80.000
	- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần	100.000

Ghi chú:

- Mức thu phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ được áp dụng thống nhất trên cả nước khi cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương hay địa phương quản lý) tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
- Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).